

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RÈN LUYỆN HỌC SINH
TOÀN KHÓA 21K15**

(Kèm theo Quyết định số 239/QĐ-KTCNHV-HSSV ngày 10/10/2024 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương)

TT	STT	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	ĐGRL toàn khóa	Xếp loại ĐGRL toàn khóa	Ghi chú
A	KHÓA 21K15							
I. KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN								
I.1 Quản trị mạng máy tính								
1	1	21QTM2	21QTM2.061	Trần Hoàng Bảo Châu	29/12/2006	87	Tốt	
2	2	21QTM2	21QTM2.029	Trịnh Tấn Tín	10/11/2006	87	Tốt	
3	3	21QTM2	21QTM1.003	Trần Ngọc Quý	15/01/1997	86	Tốt	
4	4	21QTM2	21QTM2.042	Quách Quang Minh	10/11/2006	86	Tốt	
5	5	21QTM2	21QTM2.067	Ngô Hữu Lộc	06/03/2005	85	Tốt	
6	6	21QTM2	21QTM2.049	Phan Thị Bích Tuyền	22/07/2005	81	Tốt	
7	7	21QTM2	21QTM1.002	Trần Khánh Trung Nhật	09/11/1999	81	Tốt	
8	8	21QTM2	21QTM2.004	Lê Trần Gia Hưng	27/10/2006	81	Tốt	
9	9	21QTM2	21QTM2.055	Trần Hán Văn	10/03/2006	80	Tốt	
10	10	21QTM2	21QTM2.071	Vũ Lê Phước Sang	02/12/2006	80	Tốt	
11	11	21QTM2	21QTM2.060	Nguyễn Phan Gia Bảo	11/09/2006	80	Tốt	
12	12	21QTM2	21QTM2.024	Võ Huỳnh Tấn Phát	16/08/2006	80	Tốt	
13	13	21QTM2	21QTM2.068	Võ Ngọc Thiên Minh	09/06/2006	79	Khá	
14	14	21QTM2	21QTM2.021	Hồ Khải Kiệt	26/05/2006	79	Khá	
15	15	21QTM2	21QTM2.051	Huỳnh Ngọc Minh Thành	14/08/2005	79	Khá	
16	16	21QTM2	21QTM2.045	Bành Gia Phát	04/02/2005	78	Khá	
17	17	21QTM2	21QTM2.052	Nguyễn Minh Thiệu	01/08/2006	78	Khá	
18	18	21QTM2	21QTM2.079	Bành Tuấn Vinh	29/12/2006	78	Khá	
19	19	21QTM2	21QTM2.022	Thái Kim Bảo Ngân	06/11/2006	78	Khá	
20	20	21QTM2	21CNO2.195	Tăng Lạc Tuấn	18/03/2006	78	Khá	
21	21	21QTM2	21QTM2.078	Trương Đức Vinh	14/01/2006	77	Khá	
22	22	21QTM2	21QTM2.016	Phạm Huỳnh Anh Duy	08/07/2005	77	Khá	
23	23	21QTM2	21QTM2.033	Phạm Hoàng Bảo	11/06/2006	76	Khá	
24	24	21QTM2	21QTM2.032	Trương Trí Thông	09/06/2005	76	Khá	
25	25	21QTM2	21QTM2.023	Nguyễn Ngọc Văn Nghĩa	22/06/2006	76	Khá	
26	26	21QTM2	21CNO2.164	Võ Văn Thảo	21/07/2000	75	Khá	
27	27	21QTM2	21CBL2.006	Trương Duy Tân	27/04/2006	75	Khá	
28	28	21QTM2	21QTM2.001	Võ Thị Thu Ngân	02/03/2004	74	Khá	
29	29	21QTM2	21QTM2.043	Phạm Nguyễn Hoàng Như	22/09/2005	74	Khá	
30	30	21QTM2	21QTM2.069	Trần Ngọc Lan Phương	15/03/2006	74	Khá	
31	31	21QTM2	21QTM2.003	Lý Bội Hân	29/08/2006	73	Khá	
32	32	21QTM2	21QTM2.064	Bùi Tuấn Huy	20/07/2006	73	Khá	
33	33	21QTM2	21MTT2.020	Phan Thị Ngọc Phượng	28/09/2006	72	Khá	
34	34	21QTM2	21CNO2.015	Trần Đình Anh Khôi	01/12/2006	72	Khá	
35	35	21QTM2	21QTM2.095	Nguyễn Thanh Vân	19/09/2005	72	Khá	
36	36	21QTM2	21QTM2.070	Phạm Đình Quân	19/09/2006	72	Khá	
37	37	21QTM2	21QTM2.038	Hà Văn Hoa	25/07/2006	71	Khá	
38	38	21QTM2	21QTM2.087	Quách Thành Tân	03/10/2005	70	Khá	
39	39	21QTM2	21QTM2.086	Mai Phước Huy	07/12/2006	58	Trung bình	
40	40	21QTM2	21QTM2.077	Đinh Như Trội	14/11/2006	50	Trung bình	
41	41	21QTM2	21QTM2.020	Trương Gia Kiên	09/01/2006	50	Trung bình	
42	42	21QTM2	21QTM2.083	Nguyễn Thái Bảo Trâm	22/10/2004	50	Yếu	
43	43	21QTM2	21QTM2.088	Quang Nguyệt Tâm	31/10/2006	49	Yếu	
44	44	21QTM2	21QTM2.014	Nguyễn Dương Gia Bảo	13/01/2006	49	Yếu	
45	45	21QTM2	21QTM2.063	Phạm Anh Duy	28/11/2006	49	Yếu	
46	46	21QTM2	21QTM2.054	Phùng Ngọc Anh Trung	03/11/2006	48	Yếu	
47	47	21QTM2	21QTM2.089	Nguyễn Đăng Huỳnh Anh	21/08/2006	48	Yếu	
48	48	21QTM2	21QTM2.005	Thống Hưng Thành	20/10/2006	45	Yếu	
49	49	21QTM2	21QTM2.041	Huỳnh Nhật Minh	02/10/2006	44	Yếu	
50	50	21QTM2	21QTM2.053	Đỗ Quan Trình	06/01/2006	42	Yếu	
51	51	21QTM2	21QTM1.005	Nguyễn Trung Kiên	16/06/2003	38	Yếu	
52	52	21QTM2	21QTM2.008	Huỳnh Gia An	27/08/2006	38	Yếu	
53	53	21QTM2	21QTM2.025	Trần Vĩ Phú	19/02/2006	35	Yếu	

TT	STT	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	ĐGRL toàn khóa	Xếp loại ĐGRL toàn khóa	Ghi chú
54	54	21QTM2	21QTM2.006	Võ Thành Trung	16/03/2006	34	Yếu	
55	55	21QTM2	21QTM2.076	Trần Đoàn Thọ	25/07/2006	33	Yếu	
56	56	21QTM2	21QTM2.065	La Minh Kiệt	11/09/2006	32	Yếu	
57	57	21QTM2	21QTM2.072	Nguyễn Tấn Tài	30/10/2006	32	Yếu	
58	58	21QTM2	21QTM2.057	Nguyễn Dương Hoàng Vũ	23/09/2006	32	Yếu	
59	59	21QTM2	21QTM2.066	Tô Ngọc Bảo Khang	28/02/2006	31	Yếu	
60	60	21QTM2	21QTM2.081	Thái Nguyễn Quốc Huy	03/08/2005	24	Yếu	
61	61	21QTM2	21QTM2.059	Tăng Gia Bảo	23/04/2006	23	Yếu	
62	62	21QTM2	21QTM2.080	Nguyễn Dương Hoàng Huy	24/07/2006	23	Yếu	
63	63	21QTM2	21QTM2.034	Hà Hoàng Đạt	17/06/2006	23	Yếu	
64	64	21QTM2	21QTM2.093	Nguyễn Hùng Dũng	07/02/2005	13	Yếu	
65	65	21QTM2	21QTM1.008	Trần Nguyễn Hoàng Phúc Duy	15/01/2003	13	Yếu	
66	66	21QTM2	21QTM2.002	Vòng Viễn Chấn	01/04/2006	13	Yếu	
67	67	21QTM2	21QTM2.028	Lê Ngọc Cẩm Tài	24/08/2006	12	Yếu	
68	68	21QTM2	21QTM2.017	Nguyễn Tùng Thiện	14/08/2006	12	Yếu	
69	69	21QTM2	21QTM2.035	Nguyễn Thanh Giàu	09/10/2006	12	Yếu	
70	70	21QTM2	21QTM2.084	Nguyễn Thanh Nhật	08/12/2006	12	Yếu	
71	71	21QTM2	21QTM1.010	Ninh Văn Hoàng Đạt	14/10/2006	11	Yếu	
72	72	21QTM2	21QTM2.031	Lâm Trường Thọ	21/06/2006	11	Yếu	
73	73	21QTM2	21QTM2.090	Huỳnh Thiên Phúc	15/01/2006	0	Yếu	
74	74	21QTM2	21QTM2.013	Đào Vũ Bảo	01/07/2006	0	Yếu	
75	75	21QTM2	21QTM2.036	Mai Văn Hiếu	15/08/2006	0	Yếu	
76	76	21QTM2	21QTM2.074	Lê Huỳnh Minh Tiến	31/08/2006	0	Yếu	
77	77	21QTM2	21QTM2.047	Hồng Quang Quý	18/10/2006	0	Yếu	
78	78	21QTM2	21CNO2.108	Trần Hữu Thuận	24/05/2006	0	Yếu	
79	79	21QTM2	21QTM2.073	Kiến Đức Tiến	12/03/2006	0	Yếu	
80	80	21QTM2	21QTM2.075	Trương Anh Tuấn	03/12/2006	0	Yếu	
81	81	21QTM2	21QTM2.092	Lý Kiến Hào	19/09/2006	0	Yếu	
82	82	21QTM2	21TKĐH2.009	Nguyễn Đăng Khoa	18/01/2006	0	Yếu	
83	83	21QTM2	21QTM2.018	Đoàn Văn Quốc Hào	30/03/2006	0	Yếu	
84	84	21QTM2	21QTM2.037	Sali Lê Hiếu	31/03/2006	0	Yếu	
85	85	21QTM2	21QTM2.046	Phạm Hữu Phúc	07/08/2006	0	Yếu	
86	86	21QTM2	21QTM2.048	Hồng Quý Tùng	10/05/1992	0	Yếu	
87	87	21QTM2	21CNO2.105	Trần Phát Tỷ	16/11/2006	0	Yếu	
88	88	21QTM2	21QTM2.094	Cám Mỹ Quân	21/02/2006	0	KXL	Thôi học
1.2 Vẽ và thiết kế trên máy tính								
89	1	21TKĐH1	21TKĐH1.004	Son Giàu	01/01/1997	91	Xuất sắc	
90	2	21TKĐH1	21TKĐH1.011	Mạc Thị Thuỷ Trang	25/09/2003	86	Tốt	
91	3	21TKĐH1	21TKĐH1.015	Thống Hưng Khang	16/06/1997	85	Tốt	
92	4	21TKĐH1	21TKĐH1.005	Liêu Ich Quân	12/08/2000	84	Tốt	
93	5	21TKĐH1	21TKĐH1.018	Trần Hồng Châu	07/10/2006	79	Khá	
94	6	21TKĐH1	21TKĐH1.006	Võ Minh Chiến	22/01/2003	79	Khá	
95	7	21TKĐH1	21TKĐH1.012	Trần Gia Kiệt	26/10/2006	70	Trung bình	
96	8	21TKĐH1	21TKĐH1.003	Tiêu Nhật Long	08/07/2004	57	Trung bình	
97	9	21TKĐH1	21TKĐH1.009	Nguyễn Trần Phương	12/01/2003	57	Trung bình	
98	10	21TKĐH1	21TKĐH1.016	Lăng Hoàng Vũ	26/09/1998	0	Yếu	
99	11	21TKĐH1	21TKĐH1.007	Nguyễn Thị Hồng Gấm	07/08/2003	0	Yếu	
100	12	21TKĐH1	21TKĐH2.020	Tào Thị Thảo Phương	09/12/2003	0	Yếu	
101	13	21TKĐH1	21TKĐH1.013	Lâm Ngọc Thanh	11/04/2006	0	Yếu	
102	14	21TKĐH1	21TKĐH1.014	Lâm Ngọc Thủy	11/04/2006	0	Yếu	
103	15	21TKĐH1	21TKĐH2.139	Nguyễn Minh Thư	10/05/2005	0	Yếu	
104	16	21TKĐH1	21TKĐH1.017	Phan Thanh Phúc	14/07/2003	0	KXL	Bảo lưu
105	17	21TKĐH2	21TKĐH2.132	Nguyễn Đức Tín	07/04/2004	86	Tốt	
106	18	21TKĐH2	21MTT2.019	Ngô Thị Như Dung	14/07/2005	85	Tốt	
107	19	21TKĐH2	21TKĐH2.034	Tạ Nguyên Khang	05/07/2005	83	Tốt	
108	20	21TKĐH2	21TKĐH2.100	Mai Triển Đạt	19/08/2006	82	Tốt	
109	21	21TKĐH2	21TKĐH2.123	Lưu Bội Nhi	04/07/2006	81	Tốt	
110	22	21TKĐH2	21TKĐH2.058	Đặng Gia Thuận	12/04/2004	79	Khá	
111	23	21TKĐH2	21TKĐH2.052	Nguyễn Đức Toàn	29/11/2006	78	Khá	
112	24	21TKĐH2	21TKĐH2.142	Trần Bảo Trân	20/10/2006	78	Khá	
113	25	21TKĐH2	21TKĐH2.116	Hoàng Ngọc Mai	22/04/2006	78	Khá	
114	26	21TKĐH2	21TKĐH2.102	Ngô Đình Đông	15/09/2005	78	Khá	
115	27	21TKĐH2	21TKĐH2.056	Hồ Trường Thịnh	26/09/2006	78	Khá	
116	28	21TKĐH2	21TKĐH2.089	Võ Phan Anh Tuấn	29/09/2005	77	Khá	
117	29	21TKĐH2	21TKĐH2.042	Nguyễn Thanh Ngân	18/11/2006	77	Khá	

TT	STT	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	ĐGRL toàn khóa	Xếp loại ĐGRL toàn khóa	Ghi chú
118	30	21TKĐH2	21TKĐH2.010	Hoặc Gia Lạc	17/10/2006	77	Khá	
119	31	21TKĐH2	21TKĐH2.066	Nguyễn Hữu Thiện	09/02/2006	77	Khá	
120	32	21TKĐH2	21TKĐH2.060	Huỳnh Ngọc Trâm	28/08/2006	76	Khá	
121	33	21TKĐH2	21TKĐH2.125	Giang Hạnh Nhi	24/10/2006	76	Khá	
122	34	21TKĐH2	21TKĐH2.011	Trần Hữu Lộc	02/09/2006	76	Khá	
123	35	21TKĐH2	21TKĐH2.141	Trần Ngọc Bảo Trân	26/09/2006	76	Khá	
124	36	21TKĐH2	21TKĐH2.055	Võ Thanh Thiên	19/03/2006	76	Khá	
125	37	21TKĐH2	21TKĐH2.124	Dương Thanh Nhi	31/10/2006	76	Khá	
126	38	21TKĐH2	21TKĐH2.067	Lý Bảo An	22/10/2006	75	Khá	
127	39	21TKĐH2	21TKĐH2.028	Nguyễn Thái An	08/05/2006	75	Khá	
128	40	21TKĐH2	21TKĐH2.087	Quách Mai Kỳ Tịnh	03/04/2006	75	Khá	
129	41	21TKĐH2	21TKĐH2.074	Quách Khánh Huy	28/06/2006	75	Khá	
130	42	21TKĐH2	21TKĐH2.048	Nguyễn Ngọc Khánh Như	11/12/2006	75	Khá	
131	43	21TKĐH2	21TKĐH2.062	Đỗ Phúc Trường	16/07/2006	75	Khá	
132	44	21TKĐH2	21TKĐH2.072	Dương Gia Hân	06/09/2006	75	Khá	
133	45	21TKĐH2	21TKĐH2.047	Nguyễn Ngọc Bích Như	24/02/2006	75	Khá	
134	46	21TKĐH2	21TKĐH2.037	Tăng Tiểu Linh	21/12/2006	74	Khá	
135	47	21TKĐH2	21TKĐH2.160	Nguyễn Kim Toàn	22/08/2006	74	Khá	
136	48	21TKĐH2	21TKĐH2.069	Quách Mai Tuấn Dũng	03/04/2006	74	Khá	
137	49	21TKĐH2	21TKĐH2.120	Phan Đặng Thanh Ngân	01/03/2006	73	Khá	
138	50	21TKĐH2	21TKĐH2.070	Lưu Tiểu Hằng	10/10/2005	73	Khá	
139	51	21TKĐH2	21TKĐH2.077	Phan Kiến Lợi	26/01/2006	73	Khá	
140	52	21TKĐH2	21QTM2.085	Giang Chí Huy	16/06/2006	72	Khá	
141	53	21TKĐH2	21TKĐH2.078	Huỳnh Gia Mẫn	26/12/2006	71	Khá	
142	54	21TKĐH2	21TKĐH2.085	Nguyễn Thị Ngọc Quyên	22/12/2006	71	Khá	
143	55	21TKĐH2	21TKĐH2.135	Trần Ngọc Thái Thanh	14/07/2005	70	Khá	
144	56	21TKĐH2	21TKĐH2.030	Nguy Ngọc Hoàng Duy	14/12/2006	69	Trung bình	
145	57	21TKĐH2	21TKĐH2.029	Nguyễn Bình Phương Anh	14/08/2006	67	Trung bình	
146	58	21TKĐH2	21TKĐH2.032	Ngô Cao Huy	21/04/2006	66	Trung bình	
147	59	21TKĐH2	21TKĐH2.131	Lý Mỹ San	07/03/2006	65	Trung bình	
148	60	21TKĐH2	21TKĐH2.057	Nguyễn An Thịnh	26/10/2006	64	Trung bình	
149	61	21TKĐH2	21MTT2.002	Trần Phối Nhi	20/03/2005	63	Trung bình	
150	62	21TKĐH2	21TKĐH2.061	Phạm Thành Trung	04/03/2006	63	Trung bình	
151	63	21TKĐH2	21TKĐH2.012	Lý Gia Minh	05/10/2006	62	Trung bình	
152	64	21TKĐH2	21TKĐH2.073	Vương Diệu Hiền	23/06/2005	62	Trung bình	
153	65	21TKĐH2	21TKĐH2.082	Trương Vòng Bảo Nghi	08/07/2006	62	Trung bình	
154	66	21TKĐH2	21TKĐH2.083	Tô Nguyễn Phương Nhi	23/05/2006	62	Trung bình	
155	67	21TKĐH2	21TKĐH2.140	Trần Minh Thư	28/07/2006	62	Trung bình	
156	68	21TKĐH2	21TKĐH2.090	Diệp Thuận Thái	04/03/2006	62	Trung bình	
157	69	21TKĐH2	21TKĐH2.093	Nguyễn Thu Trang	13/09/2005	62	Trung bình	
158	70	21TKĐH2	21TKĐH2.014	Nguyễn Ngọc Phương Nghi	16/04/2006	62	Trung bình	
159	71	21TKĐH2	21TKĐH2.050	Trương Tấn Phong	22/12/2006	61	Trung bình	
160	72	21TKĐH2	21TKĐH2.015	Nguyễn Thị Phương Nhi	22/12/2006	61	Trung bình	
161	73	21TKĐH2	21TKĐH2.147	Đỗ Thiên Ý	15/12/2006	61	Trung bình	
162	74	21TKĐH2	21CNO2.048	Nguyễn Tân Lộc	11/05/2006	61	Trung bình	
163	75	21TKĐH2	21TKĐH2.127	Đỗ Gia Phong	15/08/2006	61	Trung bình	
164	76	21TKĐH2	21TKĐH2.094	Nguyễn Thị Hoàng Yến	09/12/2006	59	Trung bình	
165	77	21TKĐH2	21TKĐH2.166	Mai Nguyễn Văn Khá	27/05/2006	59	Trung bình	
166	78	21TKĐH2	21TĐH2.002	Nguyễn Quang Khải	01/05/2006	59	Trung bình	
167	79	21TKĐH2	21TKĐH2.136	Nguyễn Hoàng Thiện	19/02/2006	58	Trung bình	
168	80	21TKĐH2	21TKĐH2.051	Nguyễn Nhật Tân	30/09/2006	53	Trung bình	
169	81	21TKĐH2	21TKĐH2.118	Chung Khả Minh	21/10/2006	49	Yếu	
170	82	21TKĐH2	21TKĐH2.128	Nguyễn Thanh Phương	12/09/2006	49	Yếu	
171	83	21TKĐH2	21TKĐH2.122	Nguyễn Hiền Ngọc	30/09/2006	48	Yếu	
172	84	21TKĐH2	21TKĐH2.144	Đặng Tú Uyên	22/08/2006	48	Yếu	
173	85	21TKĐH2	21CNO2.014	Trương Văn Khang	22/07/2006	48	Yếu	
174	86	21TKĐH2	21TKĐH2.053	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	04/10/2006	47	Yếu	
175	87	21TKĐH2	21TKĐH2.035	Huỳnh Lý Khiêm	01/09/2006	46	Yếu	
176	88	21TKĐH2	21TKĐH2.138	Ngô Vũ Ngọc Thoa	01/09/2006	46	Yếu	
177	89	21TKĐH2	21TKĐH2.033	Phan Tuấn Khải	08/05/2006	45	Yếu	
178	90	21TKĐH2	21QTM2.050	Phùng Tiến Thành	13/03/2006	44	Yếu	
179	91	21TKĐH2	21TKĐH2.080	Nguyễn Thanh Ngân	25/02/2006	44	Yếu	
180	92	21TKĐH2	21TKĐH2.114	Huỳnh Đăng Khoa	12/11/2006	39	Yếu	
181	93	21TKĐH2	21TKĐH2.153	Lê Nguyễn Trung Thành	21/10/2006	38	Yếu	
182	94	21TKĐH2	21TKĐH2.115	Lâm Tuấn Lương	12/09/2006	38	Yếu	

TT	STT	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	ĐGRL toàn khóa	Xếp loại ĐGRL toàn khóa	Ghi chú
183	95	21TKĐH2	21TKĐH2.022	Lê Thị Cẩm Tiên	16/09/2005	38	Yếu	
184	96	21TKĐH2	21TKĐH2.091	Ô Cẩm Thái	27/03/2006	37	Yếu	
185	97	21TKĐH2	21TKĐH2.161	Lê Tú	31/03/2006	37	Yếu	
186	98	21TKĐH2	21TKĐH2.101	Lương Nam Đạt	10/07/2006	37	Yếu	
187	99	21TKĐH2	21TKĐH2.017	Khổng Duy Phú	26/07/2006	37	Yếu	
188	100	21TKĐH2	21TKĐH2.054	Trần Vĩnh Thắng	28/09/2006	37	Yếu	
189	101	21TKĐH2	21TKĐH2.064	Hoàng Ngọc Yến Vy	31/10/2006	37	Yếu	
190	102	21TKĐH2	21TKĐH2.027	Nguyễn Mai Thy	07/09/2006	36	Yếu	
191	103	21TKĐH2	21TKĐH2.145	Nguyễn Thị Yến Vy	10/02/2006	36	Yếu	
192	104	21TKĐH2	21TKĐH2.026	Ngô Anh Thư	23/04/2006	36	Yếu	
193	105	21TKĐH2	21TKĐH2.068	Đặng Dũng Cầm	29/08/2006	36	Yếu	
194	106	21TKĐH2	21TKĐH2.180.Q6	Huỳnh Thị Ngân Vy	27/12/2006	36	Yếu	
195	107	21TKĐH2	21TKĐH2.005	Phạm Bá Thoại	03/10/2004	35	Yếu	
196	108	21TKĐH2	21TKĐH2.076	Lê Ái Triều Khả	29/01/2006	35	Yếu	
197	109	21TKĐH2	21TKĐH2.146	Nguyễn Bạch Như Ý	22/12/2006	35	Yếu	
198	110	21TKĐH2	21TKĐH2.130	Nguyễn Ngọc Thảo Quyên	16/02/2006	35	Yếu	
199	111	21TKĐH2	21TKĐH2.108	Nguyễn Ngọc Hiếu	28/06/2005	35	Yếu	
200	112	21TKĐH2	21TKĐH2.092	Lữ Minh Thuận	04/08/2005	35	Yếu	
201	113	21TKĐH2	21TKĐH2.075	Nguyễn Trí Kiệt	17/06/2006	35	Yếu	
202	114	21TKĐH2	21TKĐH2.129	Châu Mỹ Phương	06/04/2006	33	Yếu	
203	115	21TKĐH2	21TKĐH2.001	Lê Minh Hoàng	17/09/2006	33	Yếu	
204	116	21TKĐH2	21TKĐH2.152	La Khải Vinh	17/03/2003	26	Yếu	
205	117	21TKĐH2	21TKĐH2.112	Huỳnh Tuấn Kiệt	19/05/2005	25	Yếu	
206	118	21TKĐH2	21TKĐH2.113	Châu Vĩnh Kỳ	18/06/2006	25	Yếu	
207	119	21TKĐH2	21TKĐH2.059	Nguyễn Thái Thanh Thư	23/11/2005	25	Yếu	
208	120	21TKĐH2	21TKĐH2.105	Lâm Bảo Hân	02/12/2006	25	Yếu	
209	121	21TKĐH2	21TKĐH2.007	Hồ Xuân Dũ	14/11/2000	25	Yếu	
210	122	21TKĐH2	21TKĐH2.038	Nguyễn Cổ Hữu Luân	06/09/2006	25	Yếu	
211	123	21TKĐH2	21CGKL2.011	Lại Thế Vinh	04/07/2006	24	Yếu	
212	124	21TKĐH2	21TKĐH2.071	Huỳnh Gia Hân	19/02/2006	24	Yếu	
213	125	21TKĐH2	21TKĐH2.148	Nguyễn Lê Ngọc Ý	10/03/2006	24	Yếu	
214	126	21TKĐH2	21TKĐH2.065	Nguyễn Thị Tường Vy	20/01/2006	24	Yếu	
215	127	21TKĐH2	21CNO2.003	Vũ Duy Tuấn	28/11/2005	23	Yếu	
216	128	21TKĐH2	21TKĐH2.163.Q6	Lý Gia Hưng	05/04/2006	23	Yếu	
217	129	21TKĐH2	21TKĐH2.081	Đàm Kim Ngân	07/08/2004	23	Yếu	
218	130	21TKĐH2	21TKĐH2.086	Dương Minh Song	21/07/2004	23	Yếu	
219	131	21TKĐH2	21TKĐH2.106	Lý Đình Ngọc Hân	29/10/2006	23	Yếu	
220	132	21TKĐH2	21TKĐH2.004	Nguyễn Minh Thư	16/03/2002	23	KXL	Thôi học
221	133	21TKĐH2	21TKĐH2.109	Phan Trung Nhật Hoàn	13/10/2006	22	Yếu	
222	134	21TKĐH2	21TKĐH2.040	Dương Kim Mẫn	15/08/2006	12	Yếu	
223	135	21TKĐH2	21TKĐH2.003	Nguyễn Tăng Gia Thái	02/11/2005	12	Yếu	
224	136	21TKĐH2	21TKĐH2.162.Q6	Vương Vỹ Hồng	01/11/2006	12	Yếu	
225	137	21TKĐH2	21CĐT2.007	Trần Hồ Nguyên Khang	12/12/2006	12	Yếu	
226	138	21TKĐH2	21TKĐH2.156	Phạm Nguyễn Văn Anh	13/05/2006	12	Yếu	
227	139	21TKĐH2	21TKĐH2.018	Nguyễn Thanh Phước	21/09/2006	12	Yếu	
228	140	21TKĐH2	21TKĐH2.016	Nguyễn Hoàng Phong	27/08/2003	12	Yếu	
229	141	21TKĐH2	21TKĐH2.104	Hồ Phương Hào	30/03/2006	12	Yếu	
230	142	21TKĐH2	21TKĐH2.164	Trần Trọng Phúc	03/04/2006	11	Yếu	
231	143	21TKĐH2	21TKĐH2.119	Phạm Thành Nam	17/02/2005	10	Yếu	
232	144	21TKĐH2	21TKĐH2.095	Vương Lạc Bửu	17/07/2006	0	Yếu	
233	145	21TKĐH2	21TKĐH2.043	Triệu Gia Nghị	18/01/2006	0	Yếu	
234	146	21TKĐH2	21TKĐH2.036	Tiêu Quê Lâm	20/11/2006	0	Yếu	
235	147	21TKĐH2	21TKĐH2.079	Phạm Thế Minh	05/07/2003	0	Yếu	
236	148	21TKĐH2	21TKĐH2.049	Đỗ Bích Như	14/11/2006	0	Yếu	
237	149	21TKĐH2	21TKĐH2.039	Trịnh Gia Luân	19/12/2006	0	Yếu	
238	150	21TKĐH2	21TKĐH2.008	Hứa Minh Đăng	16/11/2006	0	Yếu	
239	151	21TKĐH2	21TKĐH2.117	Trịnh Anh Mẫn	07/06/2005	0	Yếu	
240	152	21TKĐH2	21TKĐH2.121	Cao Mỹ Ngọc	09/09/2006	0	Yếu	
241	153	21TKĐH2	21TKĐH2.143	Huỳnh Tấn Trung	24/08/2006	0	Yếu	
242	154	21TKĐH2	21TKĐH2.103	Nguyễn Phương Đông	06/03/2006	0	Yếu	
243	155	21TKĐH2	21TKĐH2.098	Huỳnh Quốc Đạt	17/11/2006	0	Yếu	
244	156	21TKĐH2	21TKĐH2.099	Trần Vinh Đạt	14/06/2006	0	Yếu	
245	157	21TKĐH2	21TKĐH2.107	Đổng Chánh Hiệp	14/12/2006	0	Yếu	
246	158	21TKĐH2	21CNO2.145	Ngô Chí Nghĩa	06/07/2006	0	Yếu	
247	159	21TKĐH2	21TKĐH2.088	Nguyễn Tuấn Tú	15/06/2002	0	Yếu	

TT	STT	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	ĐGRL toàn khóa	Xếp loại ĐGRL toàn khóa	Ghi chú
248	160	21TKĐH2	21TKĐH2.024	Đặng Bình Tuấn	10/06/2006	0	Yếu	
249	161	21TKĐH2	21TKĐH2.158	Võ Minh Phúc	12/09/2006	0	Yếu	
250	162	21TKĐH2	21TKĐH2.134	Lê Minh Tuấn	13/09/2006	0	Yếu	
251	163	21TKĐH2	21TKĐH2.169	Phạm Nguyễn Phi Phong	06/09/2006	0	Yếu	
252	164	21TKĐH2	21TKĐH2.159.Q6	Trần Tài Đức	24/08/2005	0	Yếu	
253	165	21TKĐH2	21TKĐH2.170.Q6	Huỳnh Nguyễn Kim Ngân	11/05/2006	0	Yếu	
254	166	21TKĐH2	21TKĐH2.174.Q6	Lương Vũ Hiếu Nhi	31/05/2002	0	Yếu	
255	167	21TKĐH2	21TKĐH2.181.Q6	Nguyễn Tường Vy	15/01/2006	0	Yếu	
256	168	21TKĐH2	21TKĐH2.171.Q6	Trịnh Hàn Nghi	13/03/2006	0	Yếu	
257	169	21TKĐH2	21TKĐH2.167.Q6	Lương Vũ Thảo Linh	24/10/2006	0	Yếu	
258	170	21TKĐH2	21TKĐH2.178.Q6	Trần Mỹ Vân	20/07/2006	0	Yếu	
259	171	21TKĐH2	21TKĐH2.160.Q6	Trịnh Văn Hải	23/08/2006	0	Yếu	
260	172	21TKĐH2	21TKĐH2.179.Q6	Nguyễn Phạm Tuyền Vi	04/06/2006	0	Yếu	
261	173	21TKĐH2	21TKĐH2.164.Q6	Lê Đoàn Tuấn Huy	31/10/2006	0	Yếu	
262	174	21TKĐH2	21TKĐH2.161.Q6	Lê Phúc Gia Hân	22/03/2006	0	Yếu	
263	175	21TKĐH2	21TKĐH2.166.Q6	Ngô Đình Huy	05/08/2006	0	Yếu	
264	176	21TKĐH2	21TKĐH2.175.Q6	Cam Mỹ Tâm	29/11/2006	0	Yếu	
265	177	21TKĐH2	21TKĐH2.177.Q6	Nguyễn Vũ Việt Trung	17/07/2003	0	Yếu	
266	178	21TKĐH2	21SCMT2.027	Đỗ Tuấn Kiệt	12/08/2006	0	Yếu	
267	179	21TKĐH2	21TKĐH2.002	Lê Nhật Nam	02/06/2003	0	KXL	Bảo lưu
268	180	21TKĐH2	21TKĐH2.045	Đỗ Cẩm Nguyên	09/01/2006	0	KXL	Thôi học
2. KHOA ĐIỆN TỬ								
2.1 Điện tử công nghiệp								
269	1	21ĐTCN2	21ĐTCN2.001	Lưu Chí Hải	26/05/2006	78	Khá	
270	2	21ĐTCN2	21ĐTCN2.005	Trần Thanh Thắng	09/08/2000	67	Trung bình	
271	3	21ĐTCN2	21ĐTCN2.006	Lê Văn Thoại	23/3/2006	50	Trung bình	
272	4	21ĐTCN2	21ĐTCN2.004	Nguyễn Triệu Thuận	02/07/1999	36	Yếu	
273	5	21ĐTCN2	21ĐTCN2.002	Nguyễn Hồ Bảo Luân	06/03/2006	19	Yếu	
274	6	21ĐTCN2	21ĐTCN2.003	Hà Kiện Quân	20/11/2004	0	KXL	Thôi học
2.2 Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính								
275	1	21SCMT2	21SCMT2.003	Lữ Mạnh Tiến	05/05/2005	84	Tốt	
276	2	21SCMT2	21SCMT2.011	Trần Hoàng Phúc	15/03/2006	78	Khá	
277	3	21SCMT2	21SCMT2.013	Nguyễn Lê Minh Lâm	31/01/2005	75	Khá	
278	4	21SCMT2	21SCMT2.042.Q6	Tiết Ngọc Quý	09/04/2006	73	Khá	
279	5	21SCMT2	21SCMT1.009	Nguyễn Trọng Vinh	30/12/1999	66	Trung bình	
280	6	21SCMT2	21SCMT2.017	Nguyễn Phúc Toàn	24/07/2006	65	Trung bình	
281	7	21SCMT2	21SCMT2.021	Nguyễn Tấn Trung	27/09/2006	64	Trung bình	
282	8	21SCMT2	21SCMT2.015	Lý Hoài Nam	25/07/1994	63	Trung bình	
283	9	21SCMT2	21SCMT2.014	Ngô Chí Lương	03/03/2006	63	Trung bình	
284	10	21SCMT2	21SCMT2.031	Võ Minh Bảo	12/02/2002	60	Trung bình	
285	11	21SCMT2	21SCMT1.001	Nguyễn Khánh Hoàng	22/10/1995	60	Trung bình	
286	12	21SCMT2	21SCMT2.030	Huỳnh Quốc Bảo	19/05/2003	54	Trung bình	
287	13	21SCMT2	21SCMT2.019	Lê Toàn Thành	28/11/2006	51	Trung bình	
288	14	21SCMT2	21SCMT2.008	Đỗ Xuân Hoà Hưng	20/04/2006	47	Yếu	
289	15	21SCMT2	21SCMT2.016	Lý Trần Quyền	13/03/2006	41	Yếu	
290	16	21SCMT2	21SCMT2.007	Lâm Chí Hằng	10/10/2006	39	Yếu	
291	17	21SCMT2	21SCMT2.029	Trần Phước Lợi	15/03/2006	36	Yếu	
292	18	21SCMT2	21SCMT2.023	Vòng Tuấn Lạc	21/08/2006	34	Yếu	
293	19	21SCMT2	21SCMT2.024	Cao Hoàng Nguyên Khang	10/04/2006	28	Yếu	
294	20	21SCMT2	21SCMT2.022	Lư Sỹ Anh	19/08/2006	28	Yếu	
295	21	21SCMT2	21SCMT2.009	Hà Vĩ Kiệt	12/01/2006	28	Yếu	
296	22	21SCMT2	21SCMT2.026	Phan Tuấn An	21/05/2005	25	Yếu	
297	23	21SCMT2	21SCMT2.032	Nguyễn Đăng Quang	17/12/2002	24	Yếu	
298	24	21SCMT2	21SCMT2.026.Q6	Trần Tuấn Anh	08/12/2006	24	Yếu	
299	25	21SCMT2	21CĐL2.002	Trần Công Danh	09/05/2006	23	Yếu	
300	26	21SCMT2	21SCMT2.025	Phạm Trường Vũ	18/09/2006	23	Yếu	
301	27	21SCMT2	21SCMT1.004	Nguyễn Văn Thanh Phương	08/12//2006	22	Yếu	
302	28	21SCMT2	21SCMT2.031.Q6	Phan Đỗ Huy	10/05/2006	21	Yếu	
303	29	21SCMT2	21SCMT2.012	Phan Nhật Hải Đăng	09/06/2006	13	Yếu	
304	30	21SCMT2	21SCMT2.018	Tiêu Khải Tuấn	22/06/2006	12	Yếu	
305	31	21SCMT2	21SCMT2.030.Q6	Nguyễn Quý Hoài	20/06/2002	12	Yếu	
306	32	21SCMT2	21SCMT2.006	Nguyễn Cao Thắng	03/07/2005	12	Yếu	
307	33	21SCMT2	21SCMT1.003	Nguyễn Hữu Nhân	13/08/2006	12	Yếu	
308	34	21SCMT2	21SCMT1.011	Nguyễn Bình Phương Nam	21/11/2001	12	Yếu	
309	35	21SCMT2	21CĐT1.006	Trần Quốc Trọng	09/12/2006	11	Yếu	

TT	STT	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	ĐGRL toàn khóa	Xếp loại ĐGRL toàn khóa	Ghi chú
310	36	21SCMT2	21SCMT2.001	Chu Trần Quốc Dũng	14/07/2000	0	Yếu	
311	37	21SCMT2	21SCMT2.002	Huỳnh Tiến Phát	21/07/2006	0	Yếu	
312	38	21SCMT2	21SCMT1.002	Lâm Chí Hùng	19/06/2006	0	Yếu	
313	39	21SCMT2	21SCMT2.035.Q6	Lê Hoàng Khôi Nguyên	24/09/2002	0	Yếu	
314	40	21SCMT2	21SCMT2.005	Phạm Ngọc Thành	29/11/2006	0	Yếu	
315	41	21SCMT2	21SCMT2.010	Ngô Lê Quốc Khánh	11/08/2004	0	Yếu	
316	42	21SCMT2	21SCMT2.027.Q6	Võ Minh Gia Bảo	30/09/2006	0	Yếu	
317	43	21SCMT2	21SCMT2.028.Q6	Nguy Đình Giang	19/06/2006	0	Yếu	
318	44	21SCMT2	21SCMT2.032.Q6	Trần Quốc Khang	18/01/2006	0	Yếu	
319	45	21SCMT2	21SCMT2.034.Q6	Trần Văn Nghĩa	09/09/2006	0	Yếu	
320	46	21SCMT2	21SCMT2.037.Q6	Từ Tuấn Quy	01/09/2006	0	Yếu	
321	47	21SCMT2	21SCMT2.038.Q6	Dương Hoàng Thái	03/12//2006	0	Yếu	
322	48	21SCMT2	21SCMT2.039.Q6	Nguyễn Quốc Thái	13/01/2006	0	Yếu	
323	49	21SCMT2	21SCMT2.040.Q6	Trần Thị Thu Thanh	31/10/2006	0	Yếu	
324	50	21SCMT2	21SCMT2.041.Q6	Trần Khắc Trường Vinh	22/05/2006	0	Yếu	
325	51	21SCMT2	21SCMT1.008	Nguyễn Minh Quang	26/03/1998	0	Yếu	
3. KHOA CƠ KHÍ CHÍNH XÁC								
326	1	21CGKL2	21CGKL2.008	Trần Nhật Nam	26/05/2006	91	Xuất sắc	
327	2	21CGKL2	21CGKL2.009	Dương Hạo Nhơn	02/11/2006	90	Tốt	
328	3	21CGKL2	21CGKL2.010	Nguyễn Minh Phúc	27/04/2006	88	Tốt	
329	4	21CGKL2	21CGKL2.006	Lê Thái Huy Hoàng	25/12/2006	87	Tốt	
330	5	21CGKL2	21CGKL1.005	Đinh Công Định	09/10/2003	86	Tốt	
331	6	21CGKL2	21CGKL2.003	Nguyễn Tuấn Lộc	07/02/2006	81	Tốt	
332	7	21CGKL2	21CGKL2.002	Nguyễn Tuấn Bảo	17/12/2004	81	Tốt	
333	8	21CGKL2	21CGKL2.014	Đặng Thái Sơn	28/02/2006	81	Tốt	
334	9	21CGKL2	21CGKL1.002	Hà Mạnh Hùng	13/02/2003	80	Tốt	
335	10	21CGKL2	21CGKL2.007	Lý Nhật Khôi	03/08/2006	78	Khá	
336	11	21CGKL2	21CGKL2.001	Đỗ Gia Đạt	18/07/2006	77	Khá	
337	12	21CGKL2	21CGKL2.012	Hàng Phương Huy	05/07/2006	75	Khá	
338	13	21CGKL2	21CGKL1.001	Phạm Quốc Duy	14/04/2002	23	Yếu	
339	14	21CGKL2	21CGKL2.004	Trần Quốc Anh	31/07/2006	0	Yếu	
4. KHOA BẢO TRÌ CƠ KHÍ								
340	1	21BCK2	21BCK2.006	Thái Bảo Chung	30/01/2006	93	Xuất sắc	
341	2	21BCK2	21BCK2.001	Hồ Nguyễn Hoàng Châu	22/11/2006	91	Xuất sắc	
342	3	21BCK2	21BCK2.004	Nguyễn Lâm Tấn Lộc	20/05/2006	89	Tốt	
343	4	21BCK2	21BCN2.001	Hồ Tuấn Kha	03/11/2006	86	Tốt	
344	5	21BCK2	21BCK2.008	Nguyễn Minh Duy	21/10/2006	84	Tốt	
345	6	21BCK2	21BCK2.007	Nguyễn Tiến Dũng	16/09/2006	84	Tốt	
346	7	21BCK2	21BCK2.010	Nguyễn Vương Thiện	15/10/2006	83	Tốt	
347	8	21BCK2	21BCK2.011	Lê Quốc Bảo	13/04/2006	83	Tốt	
348	9	21BCK2	21TKĐH2.167	Lê Thanh Tài	14/10/2006	83	Tốt	
349	10	21BCK2	21BCK2.009	Đặng Hoàng Quân	21/12/2006	79	Khá	
350	11	21BCK2	21BCK2.005	Nguyễn Tấn Đạt	05/04/2006	56	Trung bình	
351	12	21BCK2	21ĐCN2.002	Lê Vũ Hoàng Thịnh	02/07/2006	54	Trung bình	
352	13	21BCK2	21BCN2.002	Mai Thái Toàn	20/01/2005	28	Yếu	
353	14	21BCK2	21BCK2.002	Nguyễn Hoàng Hiếu	13/07/2006	13	Yếu	
354	15	21BCK2	21BCK2.003	Dương Cơ Lễ	14/04/2006	0	KXL	Thôi học
5. KHOA CƠ KHÍ ĐỘNG LỰC								
355	1	21CNO1	21CNO1.022	Vô Gia Khánh	11/11/2004	77	Khá	
356	2	21CNO1	21CNO1.020	Nguyễn Tấn Phát	10/10/2003	70	Khá	
357	3	21CNO1	21CNO1.012	Trần Hà Gia Thịnh	24/04/2000	55	Trung bình	
358	4	21CNO1	21CNO1.002	Vô Trần Hải Duy	25/04/1997	38	Yếu	
359	5	21CNO1	21CNO1.003	Lý Ngọc Đạt	16/11/2000	36	Yếu	
360	6	21CNO1	21CNO1.006	Nguyễn An Khang	05/10/2002	35	Yếu	
361	7	21CNO1	21CNO1.004	La Chấn Hào	28/10/1988	19	Yếu	
362	8	21CNO1	21CNO1.009	Nguyễn Hoàng Tân	14/11/2002	19	Yếu	
363	9	21CNO1	21CNO1.007	Vô Hoài Nam	25/01/2000	19	Yếu	
364	10	21CNO1	21CNO1.024	Nguyễn Minh Phụng	21/01/2002	19	Yếu	
365	11	21CNO1	21CNO1.005	Trần Quốc Hưng	06/11/2003	18	Yếu	
366	12	21CNO1	21CNO1.038	Nguyễn Thị Ngọc Yến	07/09/1990	18	Yếu	
367	13	21CNO1	21CNO2.038	Trần Quốc Huy	23/10/2006	0	Yếu	
368	14	21CNO1	21CNO1.017	Nguyễn Tấn Đạt	01/02/2006	0	Yếu	
369	15	21CNO1	21CNO1.027	Nguyễn Trần Minh Tuấn	08/11/1999	0	Yếu	
370	16	21CNO1	21CNO1.034	Hoàng Ngọc Đăng Khoa	26/01/2003	0	Yếu	
371	17	21CNO1	21CNO1.018	Nguyễn Thành Hạo	14/10/2006	0	Yếu	

TT	STT	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	ĐGRL toàn khóa	Xếp loại ĐGRL toàn khóa	Ghi chú
372	18	21CNO1	21CGKL2.005	Trịnh Khánh Duy	18/08/2004	0	Yếu	
373	19	21CNO1	21CNO1.019	Ngô Phan Việt Phát	04/09/2006	0	Yếu	
374	20	21CNO1	21CNO1.023	Nguyễn Thành Đạt	16/05/2003	0	Yếu	
375	21	21CNO1	21CNO1.035	Dương Hoàng Long	24/06/2006	0	Yếu	
376	22	21CNO1	21CNO1.036	Nguyễn Hữu Trọng	12/05/2004	0	Yếu	
377	23	21CNO1	21CNO1.037	Trương Bội Phong	29/10/2003	0	Yếu	
378	24	21CNO1	21CNO1.039	Tăng Thị Hồng Nương	16/4/1979	0	Yếu	
379	25	21CNO1	21CNO1.011	Nguyễn Anh Tuấn	12/07/1999	0	KXL	Bảo lưu
380	26	21CNO1	21CNO1.029	Nguyễn Hoài Bảo	17/09/2003	0	KXL	Bảo lưu
381	27	21CNO1	21CNO1.001	Nguyễn Văn Đình	20/04/1999	0	KXL	Bảo lưu
382	28	21CNO2	21CNO2.143	Cao Trần Công Minh	03/02/2006	83	Tốt	
383	29	21CNO2	21CNO2.076	Lê Phước Đại	10/10/2006	79	Khá	
384	30	21CNO2	21CNO2.112	Ông Thế Vinh	01/12/2006	78	Khá	
385	31	21CNO2	21CNO2.096	Phan Thanh Sơn	03/02/2004	78	Khá	
386	32	21CNO2	21CNO2.083	Nguyễn Đăng Khoa	07/12/2006	76	Khá	
387	33	21CNO2	21CNO2.023	Lê Quốc Tuấn	31/07/2005	76	Khá	
388	34	21CNO2	21CNO2.119	Lê Huỳnh Chí	24/08/2005	76	Khá	
389	35	21CNO2	21CNO2.106	Trần Anh Thắng	28/09/2006	75	Khá	
390	36	21CNO2	21CNO2.196	Nguyễn Thế Kiệt	31/05/2005	74	Khá	
391	37	21CNO2	21CNO2.087	Nguyễn Phúc Lợi	13/02/2005	73	Khá	
392	38	21CNO2	21CNO2.157	Lê Tuấn Tú	21/03/2006	73	Khá	
393	39	21CNO2	21CNO2.107	Nguyễn Thượng Thiên	29/06/2006	73	Khá	
394	40	21CNO2	21CNO2.055	Nguyễn Lâm Ngọc Sang	21/01/2006	73	Khá	
395	41	21CNO2	21CNO2.182	Mai Quang Minh	08/12/2006	73	Khá	
396	42	21CNO2	21CNO2.191	Nguyễn Tuấn Kiệt	03/12/2006	73	Khá	
397	43	21CNO2	21CNO2.071	La Hoàng Gia Bảo	22/10/2005	72	Khá	
398	44	21CNO2	21CNO2.146	Vòng Chí Phát	18/10/2006	72	Khá	
399	45	21CNO2	21CNO2.219	Phan Hồng Phát	14/10/2005	72	Khá	
400	46	21CNO2	21CNO2.131	Lý Gia Huy	06/03/2005	71	Khá	
401	47	21CNO2	21CNO2.022	Nguyễn Minh Tấn	25/06/2006	71	Khá	
402	48	21CNO2	21CNO2.097	Lê Minh Sơn	26/06/1997	70	Khá	
403	49	21CNO2	21CNO2.140	Trần Thanh Lộc	17/02/2006	69	Trung bình	
404	50	21CNO2	21CNO2.161	Đặng Hoàng Quan Thái	11/01/2006	69	Trung bình	
405	51	21CNO2	21CNO2.045	Nguyễn Minh Khôi	04/08/2006	68	Trung bình	
406	52	21CNO2	21CNO2.150	Đào Tiến Phát	30/08/2006	68	Trung bình	
407	53	21CNO2	21CNO2.159	Huỳnh Gia Tuấn	17/02/2006	66	Trung bình	
408	54	21CNO2	21CNO2.198	Trịnh Hoàng Thiên Phúc	15/05/2006	61	Trung bình	
409	55	21CNO2	21CNO2.078	Trần Hoàng Đạt	13/03/2006	61	Trung bình	
410	56	21CNO2	21CNO2.207	Huỳnh Nguyễn Tấn Phước	27/10/2006	60	Trung bình	
411	57	21CNO2	21CNO2.032	Lý Phát Cường	11/08/2006	60	Trung bình	
412	58	21CNO2	21CNO2.178	Vũ Minh Nhật	05/02/2006	60	Trung bình	
413	59	21CNO2	21CNO2.026	Lê Quốc Việt	15/03/2006	60	Trung bình	
414	60	21CNO2	21CNO2.057	Lê Đình Quốc Tiến	12/02/2006	60	Trung bình	
415	61	21CNO2	21CNO2.010	Bùi Lâm Phát Đạt	28/04/2006	60	Trung bình	
416	62	21CNO2	21CNO2.012	Nguyễn Gia Huy	05/09/2006	59	Trung bình	
417	63	21CNO2	21CNO2.053	Nguyễn Đình Minh Quân	06/11/2006	57	Trung bình	
418	64	21CNO2	21TKĐH2.150	Trịnh Đăng Khoa	18/01/2006	57	Trung bình	
419	65	21CNO2	21CNO2.082	Nguyễn Khánh	06/11/2005	56	Trung bình	
420	66	21CNO2	21CNO2.072	Lê Gia Bảo	14/11/2006	55	Trung bình	
421	67	21CNO2	21CNO2.109	Hồ Bảo Minh Trí	12/09/2006	54	Trung bình	
422	68	21CNO2	21CNO2.025	Trương Hải Thành	30/05/2006	50	Trung bình	
423	69	21CNO2	21CNO2.067	Nguyễn Dương Triều Vỹ	20/10/2006	48	Yếu	
424	70	21CNO2	21CNO2.166	Phạm Hưng Thịnh	14/06/2006	48	Yếu	
425	71	21CNO2	21CNO2.129	Nguyễn Quốc Huy	01/07/2006	47	Yếu	
426	72	21CNO2	21CNO2.185	Đỗ Nguyễn Quốc Hùng	11/09/2006	47	Yếu	
427	73	21CNO2	21CNO2.052	Trần Ngọc Phúc	23/11/2006	47	Yếu	
428	74	21CNO2	21CNO2.137	Trần Long Khang	04/09/2006	47	Yếu	
429	75	21CNO2	21CNO2.040	Triệu Quốc Hy	20/04/2006	47	Yếu	
430	76	21CNO2	21CNO2.114	Trương Bảo Ân	29/01/2006	46	Yếu	
431	77	21CNO2	21CNO2.077	Nguyễn Thành Đạt	09/12/2006	45	Yếu	
432	78	21CNO2	21CNO2.016	Nguyễn Hoàng Nam	16/07/2006	37	Yếu	
433	79	21CNO2	21QTM2.056	Không Gia Vinh	07/03/2006	37	Yếu	
434	80	21CNO2	21CNO2.169	Nguyễn Văn Trí	01/06/2006	36	Yếu	
435	81	21CNO2	21CNO2.130	Trần Gia Huy	06/03/2006	36	Yếu	
436	82	21CNO2	21CNO2.008	Nguyễn Huỳnh Hoài Đạt	02/09/2006	36	Yếu	

TT	STT	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	ĐGRL toàn khóa	Xếp loại ĐGRL toàn khóa	Ghi chú
437	83	21CNO2	21CNO2.118	Nguyễn Thành Công	03/02/2006	36	Yếu	
438	84	21CNO2	21CNO2.063	Huỳnh Tân Thành	25/06/2006	36	Yếu	
439	85	21CNO2	21CNO2.065	Nguyễn Trần Đức Trí	19/03/2006	36	Yếu	
440	86	21CNO2	21CNO2.128	Sầm Gia Huy	01/10/2006	35	Yếu	
441	87	21CNO2	21CNO2.031	Lê Võ Hùng Cường	27/07/2006	35	Yếu	
442	88	21CNO2	21CNO2.033	Vũ Quốc Cường	30/07/2006	35	Yếu	
443	89	21CNO2	21CNO2.104	Phạm Minh Tuấn	21/06/2006	35	Yếu	
444	90	21CNO2	21CNO2.149	Văn Hồng Gia Phát	21/02/2006	34	Yếu	
445	91	21CNO2	21CNO2.037	Dương Gia Huy	24/05/2006	33	Yếu	
446	92	21CNO2	21CNO2.165	Nguyễn Hữu Thắng	01/01/2006	32	Yếu	
447	93	21CNO2	21CNO2.086	Huỳnh Kiến Long	14/10/2006	31	Yếu	
448	94	21CNO2	21CNO2.201	Mạc Đình Vũ	04/04/2004	25	Yếu	
449	95	21CNO2	21CNO2.136	Lê Đức Khang	12/03/2006	25	Yếu	
450	96	21CNO2	21CNO2.110	Dương Văn Trường	22/07/2006	25	Yếu	
451	97	21CNO2	21CNO2.039	Trương Hoàn Hưng	07/11/2005	25	Yếu	
452	98	21CNO2	21CNO2.135	Phùng Chinh Kiệt	07/04/2006	25	Yếu	
453	99	21CNO2	21CNO2.142	Phan Nhật Minh	25/06/2006	25	Yếu	
454	100	21CNO2	21CNO2.059	Diệp Trần Hữu Toàn	20/09/2006	25	Yếu	
455	101	21CNO2	21CNO2.121	Huỳnh Quốc Dũng	24/12/2006	24	Yếu	
456	102	21CNO2	21CNO2.123	Lê Duy Đạt	25/09/2005	24	Yếu	
457	103	21CNO2	21CNO2.134	Lâm Vi Kiệt	02/10/2006	24	Yếu	
458	104	21CNO2	21CNO2.132	Lâm Thiên Kế	08/06/2006	24	Yếu	
459	105	21CNO2	21CNO2.013	Lương Tuấn Kiệt	17/09/2006	24	Yếu	
460	106	21CNO2	21CNO2.035	Nguyễn Thiên Đăng	27/02/2006	24	Yếu	
461	107	21CNO2	21CNO2.075	Đào Quốc Dũng	09/03/2006	24	Yếu	
462	108	21CNO2	21CNO2.174	Nguyễn Thành Danh	09/11/2005	24	Yếu	
463	109	21CNO2	21CNO2.036	Lê Bá Hoàn	16/06/2006	24	Yếu	
464	110	21CNO2	21CNO2.079	Hoàng Trung Hiếu	14/05/2005	24	Yếu	
465	111	21CNO2	21CNO2.184	Lương Tuấn Khang	14/07/2005	24	Yếu	
466	112	21CNO2	21CNO2.098	Đỗ Ngọc Anh Tài	02/11/2006	24	Yếu	
467	113	21CNO2	21CNO2.175	Bùi Anh Duy	29/09/2006	24	Yếu	
468	114	21CNO2	21CNO2.058	Huyền Trung Tín	17/01/2006	24	Yếu	
469	115	21CNO2	21CNO2.170	Văn Trường	13/01/2005	24	Yếu	
470	116	21CNO2	21CNO2.215	Đào Vỹ Khang	28/10/2005	24	Yếu	
471	117	21CNO2	21CNO2.151	Lâm Thiên Phú	04/04/2006	24	Yếu	
472	118	21CNO2	21CNO2.203	Tăng Hồng Thanh Phúc	01/09/2004	23	Yếu	
473	119	21CNO2	21CNO2.209	Võ Văn Luân	19/09/2005	23	Yếu	
474	120	21CNO2	21CNO2.177	Phạm Võ Minh Khương	20/12/2006	23	Yếu	
475	121	21CNO2	21CNO2.133	Nguyễn Võ Nam Kiệt	19/03/2006	23	Yếu	
476	122	21CNO2	21CNO2.095	Nguyễn Hữu Phúc	21/01/2006	23	Yếu	
477	123	21CNO2	21CNO2.068	Châu Chí Kiệt	15/12/2005	23	Yếu	
478	124	21CNO2	21CNO2.218	Nguyễn Dương Minh Đạt	07/09/2006	23	Yếu	
479	125	21CNO2	21CNO2.002	Hồ Minh Huy	02/01/2005	23	Yếu	
480	126	21CNO2	21CNO2.080	Nguyễn Thanh Huy	09/04/2006	22	Yếu	
481	127	21CNO2	21CNO2.210	Farid Bin Roman	28/03/2006	22	Yếu	
482	128	21CNO2	21CNO2.056	Nguyễn Thiện Tâm	20/11/2006	13	Yếu	
483	129	21CNO2	21CNO2.176	Quách Gia Huy	23/03/2006	13	Yếu	
484	130	21CNO2	21CNO2.007	Đặng Nguyễn Nhật Duy	09/12/2006	13	Yếu	
485	131	21CNO2	21CNO2.102	Nguyễn Dương Thanh Tông	28/07/2006	13	Yếu	
486	132	21CNO2	21CNO2.034	Lai Tuấn Đạt	06/01/2006	13	Yếu	
487	133	21CNO2	21CNO2.044	Huỳnh Thanh Khoa	22/08/2006	13	Yếu	
488	134	21CNO2	21CNO2.011	Nguyễn Hữu Quốc Hải	30/11/2006	12	Yếu	
489	135	21CNO2	21CNO2.004	Nguyễn Minh Tiến	08/07/2006	12	Yếu	
490	136	21CNO2	21KTL2.008	Nguyễn Hồng Phúc	15/05/2006	12	Yếu	
491	137	21CNO2	21CNO2.091	Võ Huỳnh Khánh Nguyên	11/03/2006	12	Yếu	
492	138	21CNO2	21CNO2.021	Đặng Thái Sơn	23/12/2006	12	Yếu	
493	139	21CNO2	21CNO2.029	Nguyễn Tấn Bin	04/04/2005	12	Yếu	
494	140	21CNO2	21CNO2.115	Nguyễn Thanh Bạch	17/04/2006	12	Yếu	
495	141	21CNO2	21CNO2.127	Trần Đình Huy	01/05/2005	12	Yếu	
496	142	21CNO2	21CNO2.001	Nguyễn Lương Trực	13/01/2005	12	Yếu	
497	143	21CNO2	21CNO2.211	Phạm Gia Bảo	27/02/2005	12	Yếu	
498	144	21CNO2	21CNO2.066	Lê Quang Vinh	10/01/2005	12	Yếu	
499	145	21CNO2	21CNO2.202	Nguyễn Ngô Ngọc Lân	11/07/2006	12	Yếu	
500	146	21CNO2	21CNO2.144	Lương Quốc Nam	07/01/2006	12	Yếu	
501	147	21CNO2	21CNO2.064	Nguyễn Lê Thắng	07/09/2005	12	Yếu	

TT	STT	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	ĐGRL toàn khóa	Xếp loại ĐGRL toàn khóa	Ghi chú
502	148	21CNO2	21CNO2.120	Trịnh Bá Danh	22/12/2006	12	Yếu	
503	149	21CNO2	21CNO2.214	Võ Châu Tiên	04/06/2004	12	Yếu	
504	150	21CNO2	21CNO2.122	Trần Tấn Duy	30/08/2006	12	Yếu	
505	151	21CNO2	21CNO2.183	Nguyễn Ngọc Hiền	04/06/2006	12	Yếu	
506	152	21CNO2	21CNO2.206	Thái Văn Hiếu	12/10/2006	11	Yếu	
507	153	21CNO2	21CNO2.148	Võ Ngô Tuấn Phát	12/11/2005	11	Yếu	
508	154	21CNO2	21CNO2.049	Lê Công Minh	03/05/2006	10	Yếu	
509	155	21CNO2	21CNO2.088	Nguyễn Hoàng Đức Mạnh	24/05/2005	8	Yếu	
510	156	21CNO2	21CNO2.192	Nguyễn Anh Huy	03/01/2006	0	Yếu	
511	157	21CNO2	21CNO2.101	Nguyễn Đức Toàn	05/10/2006	0	Yếu	
512	158	21CNO2	21CNO2.173	Lê Nguyễn Trường Vũ	01/11/2006	0	Yếu	
513	159	21CNO2	21CNO2.181	Giang Minh Long	20/03/2005	0	Yếu	
514	160	21CNO2	21CNO2.017	Nguyễn Duy Nghĩa	03/04/2006	0	Yếu	
515	161	21CNO2	21CNO2.041	Lê Quang Kha	31/08/2006	0	Yếu	
516	162	21CNO2	21CNO2.061	Trần Anh Tuấn	10/11/2006	0	Yếu	
517	163	21CNO2	21CNO2.126	La Gia Hào	27/10/2006	0	Yếu	
518	164	21CNO2	21CNO2.043	Phan Nguyễn Đăng Khoa	26/10/2006	0	Yếu	
519	165	21CNO2	21CNO2.147	Đào Tiên Phát	03/11/2005	0	Yếu	
520	166	21CNO2	21CNO2.073	Lý Gia Bảo	17/08/2006	0	Yếu	
521	167	21CNO2	21CNO2.152	Lý Chí Quang	17/08/2006	0	Yếu	
522	168	21CNO2	21CNO2.116	Tô Ngọc Gia Bảo	12/01/2005	0	Yếu	
523	169	21CNO2	21CNO2.212	Trần Văn Ngọc	19/09/2006	0	Yếu	
524	170	21CNO2	21CNO2.117	Châu Gia Bảo	30/08/2006	0	Yếu	
525	171	21CNO2	21CNO2.162	Mạc Gia Thành	21/03/2006	0	Yếu	
526	172	21CNO2	21CNO2.050	Nguyễn Hoàng Nhân	19/09/2006	0	Yếu	
527	173	21CNO2	21CNO2.046	Nguyễn Đức Nguyên Long	28/08/2006	0	Yếu	
528	174	21CNO2	21CNO2.217	Lý Và Tắc	14/10/2006	0	Yếu	
529	175	21CNO2	21CNO2.028	Đỗ Lê Thái Bảo	09/10/2006	0	Yếu	
530	176	21CNO2	21CNO2.155	Cung Ngọc Tiến	24/10/2006	0	Yếu	
531	177	21CNO2	21CNO2.093	Từ Văn Nhất	18/02/2000	0	Yếu	
532	178	21CNO2	21CNO2.103	Nguyễn Lê Quốc Tuấn	25/09/2006	0	Yếu	
533	179	21CNO2	21CNO2.172	Nguyễn Hoàng Vũ	13/11/2006	0	Yếu	
534	180	21CNO2	21CNO2.074	Hồ Thanh Danh	09/05/2006	0	Yếu	
535	181	21CNO2	21CNO2.024	Lê Thái	07/06/2006	0	Yếu	
536	182	21CNO2	21CNO2.171	Bành Kim Vinh	02/02/2006	0	Yếu	
537	183	21CNO2	21CNO2.124	Dương Tiêu Đông	31/01/2006	0	Yếu	
538	184	21CNO2	21CNO2.018	Phùng Cẩm Nguyên	29/08/2006	0	Yếu	
539	185	21CNO2	21CNO2.187	Bùi Nguyễn Quốc Bảo	27/05/2005	0	Yếu	
540	186	21CNO2	21CNO2.197	Dương Tài Thuận	29/06/2006	0	Yếu	
541	187	21CNO2	21CNO2.005	Tạ Thiên Bảo	17/06/2006	0	Yếu	
542	188	21CNO2	21CNO2.069	Nguyễn Vòng Nhật Nam	09/04/2006	0	Yếu	
543	189	21CNO2	21CNO2.027	Nguyễn Minh Việt	29/12/2006	0	Yếu	
544	190	21CNO2	21CNO2.141	Nguyễn Thân Lộc	30/01/2003	0	Yếu	
545	191	21CNO2	21CNO2.194	Ngô Quang Minh	19/09/2006	0	Yếu	
546	192	21CNO2	21CNO2.188	Quang Phước Trung	21/07/2006	0	Yếu	
547	193	21CNO2	21CNO2.204	Đỗ Cao Khởi	22/01/2005	0	Yếu	
548	194	21CNO2	21SCMT2.029.Q6	Trần Gia Hào	14/11/2005	0	Yếu	
549	195	21CNO2	21CNO2.154	Nguyễn Thanh Tâm	16/03/2006	0	Yếu	
550	196	21CNO2	21CNO2.099	Nguyễn Thành Tài	12/01/2005	0	Yếu	
551	197	21CNO2	21CNO2.179	Trương Văn Anh Tú	27/01/2006	0	Yếu	
552	198	21CNO2	21CNO2.111	Lưu Vĩ Văn	18/03/2005	0	Yếu	
553	199	21CNO2	21CNO2.213	Mai Phi Hùng	18/5/2005	0	Yếu	
554	200	21CNO2	21CNO2.208	Đặng Thành Tài	31/05/2006	0	Yếu	
555	201	21CNO2	21CNO2.089	Lê Bùi Nhật Minh	16/05/2005	0	Yếu	
556	202	21CNO2	21CNO2.081	Nguyễn Minh Châu Kỳ	25/12/2003	0	Yếu	
557	203	21CNO2	21CNO2.090	Nguyễn Tấn Ngọc	24/12/2001	0	Yếu	
558	204	21CNO2	21CNO2.092	Thái Như Nhân	24/09/2005	0	Yếu	
559	205	21CNO2	21CNO2.189	Nguyễn Hữu Phát	26/02/2004	0	Yếu	
560	206	21CNO2	21CNO2.193	Huỳnh Nhật Quang	30/08/2005	0	Yếu	
561	207	21CNO2	21CNO2.205	Trương Hoài Phong	07/08/2006	0	Yếu	
562	208	21CNO2	21CNO2.216	Ngô Sông Hiệp	01/01/2006	0	Yếu	
563	209	21CNO2	21SCMT2.004	Từ Lê Bảo	17/12/2006	0	KXL	Thôi học
564	210	21CNO2	21CNO2.062	Mai Thanh Thành	14/08/2006	0	KXL	Thôi học
565	211	21CNO2	21CNO2.156	Phan Nhật Toàn	06/10/2004	0	KXL	Bảo lưu
566	212	21CNO2	21CNO2.153	Lương Thành Tài	07/07/2006	0	KXL	Thôi học

TT	STT	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	ĐGRL toàn khóa	Xếp loại ĐGRL toàn khóa	Ghi chú
6. KHOA KỸ THUẬT LẠNH								
6.1 Vận hành và sửa chữa thiết bị lạnh								
567	1	21CĐL1	21CĐL1.002	Phạm Văn Phúc	26/01/1997	72	Khá	
568	2	21CĐL1	21CĐL1.008	Văn Công Quốc	05/12/1992	71	Khá	
569	3	21CĐL1	21CĐL1.003	Trần Minh Sang	07/10/2003	70	Trung bình	
570	4	21CĐL1	21CĐL1.005	Huỳnh Gia Hưng	01/09/2006	68	Trung bình	
571	5	21CĐL1	21CĐL1.006	Ngô Tuấn Khanh	14/02/2005	27	Yếu	
572	6	21CĐL1	21CĐL1.001	Trần Ngọc Bảo Duy	18/11/2002	0	Yếu	
573	7	21CĐL1	21CĐL1.009	Nguyễn Thành Chiến	26/11/2005	0	Yếu	
574	8	21CĐL1	21CĐL1.007	Võ Quốc Minh	20/05/2006	0	Yếu	
575	9	21CĐL2	21CĐL2.009	Hứa Hoàng Huy	22/04/2006	75	Khá	
576	10	21CĐL2	21CĐL2.015	Hồ Vương Minh Trí	13/02/2006	75	Khá	
577	11	21CĐL2	21CĐL2.013	Nguyễn Thanh Tâm	06/10/2006	73	Khá	
578	12	21CĐL2	21CNO2.186	Từ Gia Phát	22/11/2005	73	Khá	
579	13	21CĐL2	21CĐL2.010	Nguyễn Trường Huy	12/03/2005	72	Khá	
580	14	21CĐL2	21CĐL2.012	Trần Thanh Sang	24/02/2006	72	Khá	
581	15	21CĐL2	21KTL2.009	Hồ Lý Hà Thành	13/09/2006	58	Trung bình	
582	16	21CĐL2	21CĐL2.011	Ngô Triều Nhân	26/08/2006	49	Yếu	
583	17	21CĐL2	21CĐL2.007	Phạm Thái Tuấn	06/02/2006	13	Yếu	
584	18	21CĐL2	21CĐL2.014	Trần Minh Trí	13/12/2006	12	Yếu	
585	19	21CĐL2	21KTL2.016	Lý Lê Tấn Phát	08/04/2006	11	Yếu	
586	20	21CĐL2	21CĐL2.004	Trần Chí Kiệt	08/11/2006	0	Yếu	
587	21	21CĐL2	21CĐL2.019	Nguyễn Hoàng Minh Đức	21/03/2006	0	Yếu	
588	22	21CĐL2	21CĐL2.001	Lương Trí Kiệt	26/10/2003	0	KXL	Bảo lưu
6.2 Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí								
589	1	21KTL2	21KTL2.012	Phan Minh Anh Tú	28/06/2006	80	Khá	
590	2	21KTL2	21CĐL2.018	Trần Thanh Hùng	10/11/2005	77	Khá	
591	3	21KTL2	21KTL2.011	Lương Minh Huy	18/12/2006	75	Khá	
592	4	21KTL2	21KTL2.003	Lê Thành Nhân	08/12/2006	69	Trung bình	
593	5	21KTL2	21KTL2.014	Trương Tấn Đạt	20/11/2005	66	Trung bình	
594	6	21KTL2	21KTL2.004	Hà Ngọc Thắng	18/09/2006	59	Trung bình	
595	7	21KTL2	21KTL1.007	Trần Khắc Thành	17/10/2000	59	Trung bình	
596	8	21KTL2	21KTL2.005	Lê Tuấn Anh	06/01/2006	55	Trung bình	
597	9	21KTL2	21KTL2.010	Trần Quốc Bảo	31/01/2006	49	Yếu	
598	10	21KTL2	21KTL2.006	Dương Xuân Cảnh	29/04/2006	39	Yếu	
599	11	21KTL2	21KTL2.013	Trần Hiếu Nghĩa	28/7/2006	26	Yếu	
600	12	21KTL2	21CNO2.070	Phạm Minh Tiến	15/04/2006	23	Yếu	
601	13	21KTL2	21KTL2.002	Nguyễn Văn Lộc	23/01/2004	0	Yếu	
7. BỘ MÔN KỸ THUẬT NỮ CÔNG								
602	1	21MTT2	21MTT1.001	Chen Chiêu An	16/11/1998	81	Tốt	
603	2	21MTT2	21MTT2.005	Lưu Kim My	02/10/2006	63	Trung bình	
604	3	21MTT2	21MTT2.016	Nguyễn Ngọc Vy	04/05/2006	61	Trung bình	
605	4	21MTT2	21QTM2.009	Trịnh Kim Anh	28/07/2006	60	Trung bình	
606	5	21MTT2	21MTT2.015	Khưu Nguyễn Bảo Trâm	05/12/2006	49	Yếu	
607	6	21MTT2	21TKĐH2.154	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	18/04/2006	49	Yếu	
608	7	21MTT2	21MTT2.009	Nguyễn Hoàng Tuyết Anh	27/05/2006	48	Yếu	
609	8	21MTT2	21MTT2.017	Diệp Trà My	08/10/2006	47	Yếu	
610	9	21MTT2	21MTT2.004	Lê Thị Thanh Thúy	04/08/2005	47	Yếu	
611	10	21MTT2	21MTT2.013	Lê Nguyễn Phương Oanh	01/09/2006	30	Yếu	
612	11	21MTT2	21MTT1.005	Lư Bội Quân	09/05/2006	29	Yếu	
613	12	21MTT2	21MTT2.001	Chiu Thy Kỳ	30/01/2006	28	Yếu	
614	13	21MTT2	21MTT2.006	Lê Đỗ Bích Quyên	15/07/2006	25	Yếu	
615	14	21MTT2	21CNO2.180	Trần Minh Khang	22/04/2006	24	Yếu	
616	15	21MTT2	21MTT2.008	Lê Thị Thảo Vy	11/10/2006	23	Yếu	
617	16	21MTT2	21MTT2.018	Lương Bảo Ngọc	13/08/2006	23	Yếu	
618	17	21MTT2	21MTT2.003	Phạm Đặng Phương Thảo	10/12/2006	23	Yếu	
619	18	21MTT2	21MTT2.011	Đặng Nguyễn Trà My	16/11/2006	20	Yếu	
620	19	21MTT2	21MTT1.004	Chu Lâm Tường Vy	29/01/2006	20	Yếu	
621	20	21MTT2	21MTT2.021	Trần Mỹ Dung	15/05/2006	0	Yếu	
622	21	21MTT2	21TKĐH2.172.Q6	Bùi Thị Bích Ngọc	04/04/2006	0	Yếu	
623	22	21MTT2	21MTT2.023	Lê Hoàng Kim	25/01/1999	0	Yếu	
624	23	21MTT2	21MTT2.010	Trần Phan Minh Hằng	03/11/2006	0	KXL	Bảo lưu
625	24	21MTT2	21MTT2.022	Trịnh Gia Hân	02/10/2006	0	KXL	Thôi học
8. KHOA CƠ ĐIỆN TỬ								
626	1	21CĐT2	21CĐT2.003	Nguyễn Đức Lễ	04/07/2006	82	Tốt	

TT	STT	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	ĐGRL toàn khóa	Xếp loại ĐGRL toàn khóa	Ghi chú
627	2	21CĐT2	21CĐT2.006	Lê Quang Duy	19/08/2006	80	Tốt	
628	3	21CĐT2	21TĐH1.002	Ngô Mạnh Trường	20/09/2003	80	Tốt	
629	4	21CĐT2	21TĐH2.003	Thiều An Bình	02/01/2006	79	Khá	
630	5	21CĐT2	21CĐT1.008	Phan Lê Tuấn Duy	17/10/2005	78	Khá	
631	6	21CĐT2	21CĐT1.003	Lê Đình Quốc	19/05/1990	78	Khá	
632	7	21CĐT2	21TĐH2.004	Nguyễn Gia Nguyên	24/11/2006	76	Khá	
633	8	21CĐT2	21CĐT2.005	Nguyễn Tuấn Anh	18/06/2005	36	Yếu	
634	9	21CĐT2	21CĐT1.007	Lâm Cẩm Thao	09/04/2003	0	Yếu	
635	10	21CĐT2	21CĐT2.008	La Anh Kiệt	21/06/2003	0	Yếu	
636	11	21CĐT2	21CĐT1.002	Lâm Thị Thùy Dung	25/10/1999	0	Yếu	
637	12	21CĐT2	21CĐT2.001	Lê Quang Hợp	09/03/2006	0	KXL	Bảo lưu
9. KHOA ĐIỆN								
638	1	21ĐCN2	21ĐCN2.003	Phạm Huỳnh Hoài Phương	11/08/1995	62	Trung bình	
639	2	21ĐCN2	21ĐCN2.001	Võ Nghiệp Hồng	25/09/2006	61	Trung bình	
640	3	21ĐCN2	21ĐCN1.002	Huỳnh Vĩnh Thông	25/05/2004	60	Trung bình	
641	4	21ĐCN2	21ĐCN2.004	Vương Bá Thịnh	05/08/2006	0	Yếu	
642	5	21ĐCN2	21ĐCN2.007	Chống Trí Long	30/03/2006	0	Yếu	
643	6	21ĐCN2	21ĐCL2.017	Văn Công Hào Thành	01/10/2006	0	Yếu	
644	7	21ĐCN2	21ĐCN2.005	Trần Huy Phát	05/04/2005	0	Yếu	
645	8	21ĐCN2	21ĐCN2.008	Bùi Trung Tín	06/11/2004	0	Yếu	